TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HD** **TỈNH BL**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09/5/2022
(V/v Tranh chấp yêu cầu ly hôn, nuôi con và nợ chung)

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HD - TỈNH BL

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trương Hồng Diễm**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Hữu Em và ông Danh On**

-T ký phiên tòa: Bà Thái Kim PH – T ký Tòa án nhân dân huyện HD, tỉnh BL.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HD tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Kha, Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HD xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 213/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2021 về việc "Tranh chấp yêu cầu ly hôn, nuôi con và nợ chung", To quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1.N đơn: Chị NTAT, sinh năm 1997

Địa chỉ: ấp 2, xã XP, huyện LM, tỉnh HG

2.Bị đơn: Anh TĐN, sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp NT, xã NQ A, huyện HD, tỉnh BL

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan:

Ông NVT, sinh năm 1972; Địa chỉ: ấp 2, xã XP, huyện LM, tỉnh HG.

Bà PKT, sinh năm 1972; Địa chỉ: ấp 2, xã XP, huyện LM, tỉnh HG.

Bà HTH, sinh năm 1975; Địa chỉ: ấp 12, xã Vĩnh Viễn, huyện LM, tỉnh HG.

Bà HTKL, sinh năm 1980; Địa chỉ: ấp 2, xã XP, huyện LM, tỉnh HG.

(Chị T, anh N, ông T và bà T có mặt tại phiên tòa, bà H và bà L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

To đơn khởi kiện ngày 12/11/2021, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay N đơn chị NTAT và bị đơn anh TĐN trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị NTAT và anh TĐN cùng thống nhất xác định anh chị đi đến hôn nhân là do quen biết, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới To phong tục tại địa pH vào ngày 20/8/2015. Tuy nhiên cho đến nay chị T và anh N vẫn chưa đi đăng ký kết hôn To quy định pháp luật.

N nhân ly hôn To chị T trình bày: do trong thời gian chung sống giữa vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, do làm ăn mua bán bị thua lỗ, mỗi lần thua lỗ thì anh N kiếm chuyện đánh đập chị, còn đánh cả cha ruột chị, hiện chị và anh N đã sống ly thân với nhau khoảng 08 tháng nay. Trong khoảng thời gian vợ chồng sống xa nhau không ai quan tâm ai. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh TĐN.

N nhân ly hôn To anh N trình bày: trong thời gian chung sống vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không nghiêm trọng dẫn đến ly hôn, do vợ chồng anh cự cãi về chuyện tiền bạc, cha vợ anh cầm dao đòi chém và đuổi anh ra khỏi nhà. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Chị NTAT và anh TĐN cùng thống nhất xác định vợ chồng chung sống có với nhau 01 người con chung tên Trần Nguyễn Bảo Trâm, sinh ngày 06/6/2016, chị T xác định từ lúc sinh con đến lúc vợ chồng sống ly thân chị là người trực tiếp nuôi con, ngày 08/3/2022 (dương lịch) anh N có qua nhà chị xin rước con về chơi vài ngày sẽ giao trả lại cho chị, tuy nhiên anh N không giữ đúng lời hứa, chị đã nhiều lần nhờ chính quyền nơi anh N giải quyết nhưng không có kết quả. Nay chị yêu cầu anh N giao cháu Trâm lại cho chị nuôi dưỡng. Anh N xác định hiện anh đang nuôi con. Tại phiên tòa hôm nay anh N đồng ý giao con cho chị T nuôi, anh yêu cầu chị T không gây cản trở việc anh thăm nom con sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị NTAT và anh TĐN thống nhất xác định không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị NTAT và anh TĐN thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị NTAT xác định trong thời gian chị và anh N chung sống có hỏi vay tiền của người khác để làm vốn buôn bán như: vay của bà HTH số tiền vốn 15.000.000 đồng vào ngày 17/11/2020, lãi suất mỗi tháng là 5%/tháng là 750.000 đồng; hỏi vay của bà HTKL số tiền vốn 3.000.000 đồng vào ngày 10/7/2021, lãi suất là 5%/tháng là 150.000 đồng; mượn của cha mẹ ruột chị tên NVT và bà PKT 09 chỉ vàng 24k và 03 chỉ vàng 18k. Chị là người trực tiếp hỏi vay số tiền và mượn số vàng này nhưng anh N đều biết vì chị vay tiền và mượn vàng để làm vốn buôn bán. Tuy nhiên chị đã trả cho bà H và bà T xong, chị không yêu cầu anh N trả số nợ này. Đối với nợ ông T và bà T chị không yêu cầu xem xét giải quyết trong vụ án này.

Anh TĐN xác định: anh không biết những số nợ trên To lời trình bày của chị T vì việc chị T hỏi vay, mượn nợ ai, khi nào thì anh không biết, một thời gian sau anh thấy chị T buồn thì anh mới hỏi lý do thì chị T mới nói là có thiếu những

khoản nợ này. Nay chị T không đặt ra yêu cầu xem xét những khoản nợ này thì anh cũng không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan ông NVT trình bày: Năm 2015 T và N cưới nhau thì về chung sống với vợ chồng ông tại ấp 2, xã XP, huyện LM, tỉnh HG. Từ trước đến nay vợ chồng ông làm ăn thì tiền hay vàng đều đưa cho chị vợ tôi tên Phạm Kim Khoa ở ấp 3, xã Lương Tâm, huyện LM, tỉnh HG cất giữ dùm. Ông cũng không hay biết việc T có mượn số vàng của ông gửi để làm vốn làm ăn, đến khi vợ chồng T xảy ra mâu thuẫn rồi sống ly thân thì T mới nói là có mượn của vợ chồng ông tổng cộng là 09 chỉ vàng 24k và 03 chỉ vàng 18k để làm vốn làm ăn. Nay ông không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với số nợ này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan bà PKT trình bày: Năm 2015 T và N cưới nhau thì về chung sống với vợ chồng bà tại ấp 2, xã XP, huyện LM, tỉnh HG. Từ trước đến nay vợ chồng bà làm ăn thì tiền hay vàng đều đưa cho con gái bà là NTAT cất giữ dùm. Bà cũng không hay biết việc T có mượn số vàng của bà gửi để làm vốn làm ăn, đến khi vợ chồng T xảy ra mâu thuẫn rồi sống ly thân thì T mới nói là có mượn của vợ chồng bà tổng cộng là 09 chỉ vàng 24k và 03 chỉ vàng 18k để làm vốn làm ăn. Nay các con xảy ra mâu thuẫn, ly hôn với nhau thì bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan bà HTH trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 14/4/2022: Vào ngày 17/11/2020 bà có cho NTAT vay số tiền vốn 15.000.000 đồng, lãi suất mỗi tháng là 5%/tháng là 750.000 đồng. Tuy nhiên, vào ngày 14/4/2022 chị T đã trả cho bà xong hiện không còn nợ bà, nên bà không yêu cầu gì về số nợ này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan bà HTKL trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 14/4/2022: Vào ngày 10/7/2021 bà có cho NTAT vay số tiền vốn 3.000.000 đồng, lãi suất mỗi tháng là 5%/tháng là 150.000 đồng. Tuy nhiên, vào ngày 14/4/2022 chị T đã trả cho bà xong hiện không còn nợ bà, nên bà không yêu cầu gì về số nợ này.

Tại phiên tòa sơ thẩm chị T xác định chị vẫn giữ N yêu cầu khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con đối với anh N, chị T và anh N xác định không còn tài liệu, chứng cứ để cung cấp thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HD tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân To pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của N đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan là đúng To quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Chị T và anh N chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn To quy định của pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh N.

Về nuôi con chung: đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh N giao cháu Trần Nguyễn Bảo Trâm, sinh ngày 06/6/2016 cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh TĐN được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị NTAT và anh TĐN thống nhất xác định không đặt ra yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: chị T và anh N không có tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu xem xét nợ chung của chị NTAT đối với anh TĐN.

Đối với số nợ của ông T và bà T do các đương sự không đặt ra yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: chị T phải chịu To quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: To yêu cầu khởi kiện của chị NTAT đối với anh TĐN về việc tranh chấp yêu cầu ly hôn, nuôi con; Bị đơn anh TĐN có hộ khẩu Tờng trú tại huyện HD, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HD.

Bà HTH và bà HTKL có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà H và bà L.

[2] Về nội dung vụ án: Chị T và anh N chung sống với nhau vào năm 2015, có tổ chức lễ cưới To phong tục tập quán tại địa pH, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, đến nay thì anh chị đã có con chung, nhưng vẫn chưa đi đăng ký kết hôn To quy định của pháp luật. Như vậy việc không đi đăng ký kết hôn giữa chị T và anh N là đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện To quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký To quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn To quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…"

Do đó To quy định của pháp luật thì hôn nhân giữa chị T và anh N không có giá trị pháp lý, không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh N thì Hội đồng xét xử không giải quyết cho chị T và anh N ly hôn với nhau, mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh N là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: chị T và anh N thống nhất xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 người con chung tên Trần Nguyễn Bảo Trâm, sinh ngày 06/6/2016, hiện đang sống với anh N. Tại phiên tòa chị T và

anh N thống nhất thỏa thuận giao cháu Trâm cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh TĐN có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị NTAT và anh TĐN thống nhất xác định không đặt ra yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị NTAT và anh TĐN thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu xem xét nợ chung của chị NTAT đối với anh TĐN.

Đối với số nợ của ông T và bà T do các đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị NTAT phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng To biên lai thu số 0006014 ngày 13 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HD.

[8] Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị NTAT và anh TĐN là vợ chồng.

2/.Về con chung: buộc anh TĐN giao cháu Trần Nguyễn Bảo Trâm, sinh ngày 06/6/2016 cho chị NTAT nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh TĐN có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Chị NTAT và anh TĐN không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh TĐN.

3/.Về tài sản chung: Chị NTAT và anh TĐN thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không xem xét giải quyết.

4/. Về nợ chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu xem xét nợ chung của chị NTAT đối với anh TĐN.

Đối với khoản nợ của ông NVT và bà PKT do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5/. Về án phí: Chị NTAT phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng To biên lai thu số 0006014 ngày 13 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HD.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho chị NTAT, anh TĐN, ông NVT và bà PKT được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Huỳnh Kim L và bà HTH được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngảy kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh BL;*
- *VKSND huyện HD;*
- *Chi cục THADS huyện HD;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS vụ án;*

Trương Hồng Diễm